TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐĂK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HSST
Ngày 21 tháng 09 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Long Ca.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Tiến Hóa – Phó Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam huyện Tuy Đức (nguyên là phó Bí thư huyện Đoàn Tuy Đức);

Ông Lưu Ngọc Khoa – Chủ tịch Hội người cao tuổi xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Tuy Đức, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2018/HSST, ngày 09/8/2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Trung N; sinh ngày 01/03/2001; tại tỉnh N A; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Bon Đ H, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: kinh; Con ông: Bùi Văn T (đã chết) và bà Lê Thị H (sinh năm 1966); Bị cáo chưa có vợ; Tiền án; Tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ khi có Quyết định khởi tố bị can. Hiện tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

2. Hứa Văn L; Sinh năm 1998; tại tỉnh H G; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Bon Đ H, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Con ông: Hứa Văn L (sinh năm 1979) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1977); Bị cáo có vợ là Bế Thị T (sinh năm 1999) và có một con sinh năm 2016; Tiền án; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2018 tại nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Đức. Hiện tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trịnh Quốc K – Văn phòng Luật sư Quốc A, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đăk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ B S, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

Người bị hại: Anh Lê X, sinh năm 1972; Địa chỉ: Bon Đ H, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Hứa Văn L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Bon Đ H, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Chị Trần Thị B, sinh năm 1991; Địa ch: Bon Đ H, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 16/01/2018 Bùi Trung N đến thăm chơi nhà Hứa Văn L tại bon Đ H, xã Q T. Lúc này, có hai người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) đến nhà ông Lê X ở gần kề nhưng không gặp cũng ghé thăm nhà L.

N biết trong nhà ông X có cà phê nên nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. N rủ L nhưng L nói bị đau chân không đi lấy trộm cà phê được. Nghe vậy, N đi xe máy đến nhà Bế Văn T ở bon Đ H, xã Q T rủ T tham gia trộm cắp cà phê và được T đồng ý. Sau khi trao đổi thống nhất với nhau, N và T đến cạy tấm ván phía sau nhà ông X rồi cho tay vào mở chốt cửa bên trong. N và T đi vào nhà thấy có 10 bao cà phê quả khô, mỗi người vác 01 bao mang ra ngoài cất dấu bên hông nhà L. Lúc sau, N tiếp tục vào nhà ông X lần lượt lấy 05 bao vác ra để bên ngoài cửa. T đứng ngoài vác cà phê sang cất dấu bên hông nhà L. Sau khi trộm cắp được 07 bao cà phê của gia đình ông X, T về nhà lấy 01 xe mô tô độ chế quay lại nhà L. N buộc miệng các bao cà phê chuẩn bị cho việc vận chuyển đi tiêu thụ. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68G1-293.72 chở 02 bao. T điều khiển xe mô tô độ chế chở 03 bao đến đại lý Khoa M của anh Huỳnh Quang K tại Bon B G, xã Q T để bán. N gặp anh K để hỏi giá bán cà phê, T quay lại nhà L chở thêm 02 bao. Số tiền bán cà phê được 4.250.000 đồng, bọn chúng chia nhau N và T mỗi người 1.500.000 đồng, L 1.000.000 đồng, còn lại 250.000 đồng dùng để chi phí xăng xe, ăn uống chung.

Đến ngày 19/01/2018, N rủ L lấy trộm tiếp 03 bao cà phê còn lại của gia đình ông Lê X. Hai người lẻn vào nhà lấy 03 bao cà phê mang về dấu bên hông nhà L. Sau đó, N chở 03 bao cà phê lấy trộm được bán cho đại lý Tuấn T do anh Hoàng Minh T tại Bon B D, xã Q T làm chủ được số tiền 1.350.000 đồng. N và L chia nhau mỗi người 500.000 đồng, còn lại 350.000 đồng dùng chơi game.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐGTS, ngày 05/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Đức, kết luận: 07 bao cà phê quả khô có trọng lượng 250 kg, trị giá 4.250.000 đồng, 07 bao đựng cà phê trị giá 10.500 đồng, tổng giá trị 4.260.500 đồng; 03 bao cà phê quả khô trọng lượng 90 kg có giá trị 1.350.000 đồng, 03 bao đựng cà phê trị giá 4.500 đồng, tổng giá trị 1.354.500 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.615.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã thu giữ chiếc xe mô tô biển số 68G1-293.72 do Bùi Trung N chở cà phê đi tiêu thụ. Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra xác định được chiếc xe thuộc sở hữu hợp pháp của anh Trần Thành H trú tại bon Đ H, xã Q T. Chiếc xe anh H cho N mượn nhưng không biết sử dụng vào việc phạm tội nên đã trả lại cho anh H.

Ngoài ra, đối với chiếc xe mô tô độ chế do Bế Văn T chở 03 bao cà phê đi bán cho đại lý Khoa M, Cơ quan cảnh sát điều tra truy tìm nhưng không có kết quả, 10 bao cà phê Nguyên và đồng bọn bán cho các đại lý đã bán cho các doanh nghiệp khác nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê X đã được gia đình bị can Hứa Văn L và Bùi Trung N bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Tại cáo trạng số: 36/Ctr-VKS, ngày 09/8/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố các bị cáo Bùi Trung N; Hứa Văn L về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông truy tố các bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng.

- Đối với bị cáo Bùi Trung N: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 65-BLHS. Xử phạt bị cáo từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng.

- Đối với bị cáo Hứa Văn L: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38-BLHS. Xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) đến 06 (sáu) tháng tù. Trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 23/5/1018.

* Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106-BLTTHS năm 2015; Điều 46-BLHS năm 2015. Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu biển số 68G1-293.72 cho anh Trần Thành H là người quản lý hợp pháp.

Đối với chiếc xe mô tô độ chế do Bế Văn T chở 03 bao cà phê đi bán cho đại lý Khoa M, Cơ quan cảnh sát điều tra truy tìm nhưng không có kết quả; 10 bao cà phê N và đồng bọn bán cho các đại lý đã bán cho các doanh nghiệp khác nên không thu hồi được.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Lê X không yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Phần tranh luận luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Trung N không tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N. Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến gì thêm, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng: Bị cáo N, N tỏ ra hối hận về hành vi mình đã thực hiện, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật TTHS. Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Như vậy, do ý thức coi thường pháp luật muốn có tiền tiêu xài cá nhân không bằng sức lao động của mình nên vào ngày 16/01/2018, Bùi Trung N, Hứa Văn L và Bế Văn T đã trộm cắp 07 bao cà phê quả khô trọng lượng 250 kg tại nhà ông Lê X ở Bon Đ H, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Đến ngày 19/01/2018, N và L tiếp tục lấy trộm của gia đình ông Lê X 03 bao cà phê trọng lượng 90 kg. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt được xác định 5.615.000 đồng (Năm triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Hành vi phạm tội nêu trên của Bùi Trung N, Hứa Văn L đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173- BLHS.

Tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX nhận thấy các bị cáo Bùi Trung N và Hứa Văn L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong giai đoạn điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Trước khi vụ án được đưa ra xét xử các bị cáo đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho người bị hại anh Lê X; Các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - BLHS. HĐXX sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Tuy nhiên khi phạm tội bị cáo Bùi Trung N là người chưa thành niên (16 tuổi 10 tháng 15 ngày) nên cần áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội khi quyết định hình phạt đối với bị cáo N.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình nhưng do ý thức coi thường pháp luật, lười lao động nhưng lại muốn hưởng thụ trên công sức lao động của người khác. Hành vi của các bị cáo ngoài việc xâm phạm đến tài sản của người khác còn gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân cũng

như ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Tuy nhiên trước khi phạm tội các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã có thái độ ăn năn hối cải về hành vi của mình, khi phạm tội bị cáo Bùi Trung N là người chưa thành niên. Vì vậy HĐXX xét thấy không cần cách ly bị cáo Bùi Trung N ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ giáo dục, cảm hóa đối với bị cáo và cũng để thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Để đảm bảo việc giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội. HĐXX xét thấy cần phải áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và cần cách ly bị cáo L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo được mục đích của hình phạt.

[5] Đối với Bế Văn T, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức sau khi khởi tố bị can đã ra Quyết định truy nã số 06 ngày 10/7/2018; khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với anh Huỳnh Quang K và anh Hoàng Minh T đã mua cà phê của các bị cáo, nhưng anh K và anh T không biết đó là tài sản trộm cắp nên không có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã trả lại chiếc xe mô tô 68G1-293.72 đã giao trả lại cho anh Trần Thành H nên không đề cập giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô độ chế do Bế Văn T chở 03 bao cà phê đi bán cho đại lý Khoa M, Cơ quan cảnh sát điều tra truy tìm nhưng không có kết quả; 10 bao cà phê N và đồng bọn bán cho các đại lý đã bán cho các doanh nghiệp khác nên không thu hồi được.

[7] Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại anh Lê X đã được gia đình các bị cáo Hứa Văn L và Bùi Trung N bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hứa Văn L, chị Bùi Thị B không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường cho anh Lê X nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Trung N; Hứa Văn L phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Trung N; Hứa Văn L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38-BLHS. Xử phạt bị cáo Hứa Văn L 05 (năm) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/5/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 65-BLHS. Xử phạt bị cáo Bùi Trung N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho

hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/9/2018.

Giao bị cáo Bùi Trung N cho UBND xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông phối hợp cùng gia đình quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Đồng thời trong trường hợp bị cáo Bùi Trung N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99-BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14.

Buộc các bị cáo Bùi Trung N; Hứa Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo Bùi Trung N; Hứa Văn L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Long Ca

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- Phòng HSNV CA Đăk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Công an huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.